

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                                | Viện                                           |
|-----|----------|----------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | 20109711 | Nguyễn Văn Hòa       | 08.06.1992          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- CN Sinh học - CN thực phẩm-K55 | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 2   | 20125955 | Nguyễn Thị Thanh Hoa | 26.07.1994          | Bắc Ninh          | Bà        | Khá        | x                           |               | CN-thực phẩm K57                   | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 3   | 20125999 | Nguyễn Thị Luyến     | 02.07.1994          | Hải Dương         | Bà        | Khá        | x                           |               | CN-thực phẩm K57                   | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 4   | 20126044 | Dương Thị Thanh Thảo | 12.02.1994          | Hà Nam            | Bà        | Giỏi       | x                           |               | CN-thực phẩm K57                   | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 5   | 20115987 | Trần Thị Nhung       | 27.08.1993          | Hải Dương         | Bà        | Khá        | x                           |               | Công nghệ thực phẩm 1-K56          | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 6   | 20109662 | Phạm Văn Huy         | 05.12.1992          | Hải Dương         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Công nghệ thông tin 1-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 7   | 20109469 | Nguyễn Hải Phong     | 10.09.1992          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Công nghệ thông tin 1-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 8   | 20109470 | Nguyễn Hoàng Phương  | 10.08.1992          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Công nghệ thông tin 1-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 9   | 20109265 | Nguyễn Văn Hạnh      | 05.01.1992          | Hà Tây            | Ông       | Khá        |                             |               | CN- Công nghệ thông tin 2-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 10  | 20109271 | Nguyễn Trung Hiếu    | 15.10.1992          | Hung Yên          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Công nghệ thông tin 2-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 11  | 20109311 | Đặng Duy Long        | 21.10.1991          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Công nghệ thông tin 3-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 12  | 20109430 | Mai Văn Việt         | 27.03.1992          | Nam Định          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Công nghệ thông tin 4-K55      | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 13  | 20125516 | Đặng Văn Hiền        | 15.08.1994          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        |                             |               | CN-CNTT K57                        | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 14  | 20125668 | Nguyễn Thế Mạnh      | 25.04.1994          | Nghệ An           | Ông       | Khá        |                             |               | CN-CNTT K57                        | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 15  | 20115468 | Phạm Kỳ Cương        | 19.03.1993          | Yên Bái           | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Công nghệ thông tin 1-K56       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 16  | 20115676 | Nguyễn Mậu Ngọc      | 15.04.1993          | Bắc Ninh          | Ông       | Khá        |                             |               | CN-Công nghệ thông tin 1-K56       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 17  | 20115754 | Giang Trần Thái      | 22.11.1993          | Ninh Bình         | Ông       | Trung bình |                             |               | CN-Công nghệ thông tin 1-K56       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                          | Viện                                     |
|-----|----------|-------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------------|
| 18  | 20115469 | Nguyễn Quốc Cường | 17.06.1993          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Công nghệ thông tin 2-K56 | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 19  | 20115769 | Hoàng Thị Thư     | 03.01.1992          | Bắc Ninh          | Bà        | Khá        | x                           |               | CN-Công nghệ thông tin 2-K56 | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 20  | 20109101 | Nguyễn Văn Nam    | 24.05.1990          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Cơ điện tử 1-K55         | Viện Cơ khí                              |
| 21  | 20109128 | Nguyễn Hồng Việt  | 01.01.1993          | Bắc Giang         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Cơ điện tử 1-K55         | Viện Cơ khí                              |
| 22  | 20109113 | Viêm Văn Tuấn     | 15.08.1991          | Bắc Ninh          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Cơ điện tử 2-K55         | Viện Cơ khí                              |
| 23  | 20115083 | Nguyễn Hải Đăng   | 22.11.1993          | Nam Định          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Cơ điện tử 1-K56       | Viện Cơ khí                              |
| 24  | 20115309 | Hoàng Văn Tú      | 20.01.1992          | Bắc Ninh          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Cơ điện tử 1-K56       | Viện Cơ khí                              |
| 25  | 20115371 | Lê Anh Tuấn       | 25.03.1993          | Quảng Ninh        | Ông       | Trung bình |                             | Thiếu 140     | CN KT Cơ điện tử 1-K56       | Viện Cơ khí                              |
| 26  | 20115031 | Bế Văn Cường      | 21.03.1993          | Lạng Sơn          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN KT Cơ điện tử 2-K56       | Viện Cơ khí                              |
| 27  | 20115036 | Nguyễn Mạnh Cường | 13.03.1993          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN KT Cơ điện tử 2-K56       | Viện Cơ khí                              |
| 28  | 20115089 | Lê Văn Đức        | 22.12.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        |                             | Thiếu 140     | CN KT Cơ điện tử 2-K56       | Viện Cơ khí                              |
| 29  | 20125050 | Lê Văn Duy        | 10.09.1994          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57         | Viện Cơ khí                              |
| 30  | 20125098 | Phạm Viết Hà      | 24.06.1994          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57         | Viện Cơ khí                              |
| 31  | 20125117 | Lê Trung Hiếu     | 09.01.1994          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57         | Viện Cơ khí                              |
| 32  | 20125134 | Nguyễn Thị Hồng   | 02.10.1994          | Thanh Hóa         | Bà        | Giỏi       | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57         | Viện Cơ khí                              |
| 33  | 20125202 | Đỗ Công Tiến Lực  | 12.03.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57         | Viện Cơ khí                              |
| 34  | 20125347 | Chu Xuân Tùng     | 14.10.1994          | Bắc Giang         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57         | Viện Cơ khí                              |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                           | Viện                 |
|-----|----------|-------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------|
| 35  | 20125348 | Nguyễn Hoàng Tùng | 21.10.1994          | Hà Bắc            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57          | Viện Cơ khí          |
| 36  | 20125352 | Phạm Hoàng Tùng   | 06.02.1994          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57          | Viện Cơ khí          |
| 37  | 20125276 | Nguyễn Quang Thái | 10.08.1994          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57          | Viện Cơ khí          |
| 38  | 20125320 | Nguyễn Trọng Tri  | 16.03.1994          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57          | Viện Cơ khí          |
| 39  | 20125360 | Ngô Hoàng Việt    | 28.01.1994          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-KT cơ điện tử K57          | Viện Cơ khí          |
| 40  | 20109135 | Lê Quang Hữu      | 01.01.1991          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Công nghệ chế tạo máy-K55 | Viện Cơ khí          |
| 41  | 20109067 | Trương Lê Thanh   | 22.10.1992          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Công nghệ chế tạo máy-K55 | Viện Cơ khí          |
| 42  | 20109138 | Phùng Văn Thành   | 24.06.1992          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Công nghệ chế tạo máy-K55 | Viện Cơ khí          |
| 43  | 20116081 | Trần Ngọc Tiếp    | 01.08.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN chế tạo máy 1 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 44  | 20115032 | Đỗ Trí Cường      | 05.01.1993          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN chế tạo máy 2 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 45  | 20115101 | Trần Quang Giang  | 25.08.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN chế tạo máy 2 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 46  | 20115150 | Nguyễn Minh Hoàng | 13.10.1993          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN chế tạo máy 2 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 47  | 20115122 | Trần Huy Hùng     | 06.05.1993          | Hà Bắc            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN chế tạo máy 2 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 48  | 20115180 | Phạm Quang Kiên   | 15.10.1993          | Thái Nguyên       | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN chế tạo máy 2 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 49  | 20115264 | Ngô Văn Quảng     | 21.05.1993          | Hà Bắc            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN chế tạo máy 2 -K56         | Viện Cơ khí          |
| 50  | 20146950 | Ngô Gia Bằng      | 08.08.1991          | Hung Yên          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-CN chế tạo máy K57         | Viện Cơ khí          |
| 51  | 20115401 | Phan Nam Anh      | 05.05.1993          | Nghệ An           | Ông       | Trung bình |                             | Thiếu 140     | CN kỹ thuật Ô tô 2-K56        | Viện Cơ khí Động lực |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)

| STT | SHSV     | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                                  | Viện                 |
|-----|----------|------------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|--------------------------------------|----------------------|
| 52  | 20115022 | Hoàng Đức Cảnh         | 27.10.1991          | Hải Phòng         | Ông       | Trung bình |                             |               | CN kỹ thuật Ô tô 2-K56               | Viện Cơ khí Động lực |
| 53  | 20125055 | Đào Văn Dũng           | 09.09.1994          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        |                             |               | CN-CN kỹ thuật ô tô K57              | Viện Cơ khí Động lực |
| 54  | 20125184 | Đỗ Ngọc Linh           | 18.04.1994          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        |                             |               | CN-CN kỹ thuật ô tô K57              | Viện Cơ khí Động lực |
| 55  | 20119001 | Nguyễn Trường An       | 14.12.1990          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        | x                           |               | CN Điện 02 Hà Tĩnh-K56               | Viện Điện            |
| 56  | 20119022 | Nguyễn Ngọc Khánh      | 29.01.1993          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        | x                           |               | CN Điện 02 Hà Tĩnh-K56               | Viện Điện            |
| 57  | 20109395 | Phan Văn Toàn          | 26.08.1992          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Điều khiển & Tự động hóa 1-K55    | Viện Điện            |
| 58  | 20108016 | Phạm Huy Hoàng         | 26.12.1992          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Điều khiển & Tự động hóa 2-K55    | Viện Điện            |
| 59  | 20115502 | Nguyễn Quang Đại       | 19.12.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 1-K56 | Viện Điện            |
| 60  | 20115503 | Bùi Đình Đạt           | 15.08.1993          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 1-K56 | Viện Điện            |
| 61  | 20115739 | Nguyễn Đình Khánh Tùng | 26.10.1993          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 1-K56 | Viện Điện            |
| 62  | 20115644 | Vũ Hùng Luân           | 27.06.1993          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 2-K56 | Viện Điện            |
| 63  | 20115677 | Nguyễn Minh Ngọc       | 10.01.1992          | Phú Thọ           | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 2-K56 | Viện Điện            |
| 64  | 20115812 | Mai Anh Tuấn           | 03.09.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 2-K56 | Viện Điện            |
| 65  | 20115790 | Phạm Thành Trí         | 02.10.1993          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điều khiển & Tự động hóa 2-K56 | Viện Điện            |
| 66  | 20125375 | Nghiêm Tuấn Anh        | 05.03.1994          | Bắc Giang         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Điều khiển-TĐH 01 K57             | Viện Điện            |
| 67  | 20146924 | Ngô Ngọc Huy           | 13.10.1989          | Nam Định          | Ông       | Giỏi       | x                           |               | CN-Điều khiển-TĐH 01 K57             | Viện Điện            |
| 68  | 20125397 | Lê Ngọc Bảo            | 10.12.1994          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Điều khiển-TĐH 02 K57             | Viện Điện            |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)

| STT | SHSV     | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                                | Viện                      |
|-----|----------|------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|------------------------------------|---------------------------|
| 69  | 20125408 | Chu Văn Chiến    | 11.06.1992          | Bắc Giang         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-Điều khiển-TDH 02 K57           | Viện Điện                 |
| 70  | 20146932 | Đỗ Duy Ngọc      | 08.04.1991          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-Điều khiển-TDH 02 K57           | Viện Điện                 |
| 71  | 20125731 | Đỗ Văn Quân      | 18.03.1994          | Bắc Ninh          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN-Điều khiển-TDH 02 K57           | Viện Điện                 |
| 72  | 20146943 | Phạm Huy Tuấn    | 10.08.1990          | Bắc Giang         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN-Điều khiển-TDH 02 K57           | Viện Điện                 |
| 73  | 20102191 | Trần Thế Thái    | 25.11.1991          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật điện 2 K55                | Viện Điện                 |
| 74  | 20109675 | Vũ Ngọc Minh     | 19.04.1992          | Nam Định          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN- Điện tử-Viễn thông 3-K55       | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 75  | 20109436 | Nguyễn Hữu Vượng | 01.07.1992          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Điện tử-Viễn thông 3-K55       | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 76  | 20109619 | Nguyễn Văn Thái  | 18.08.1991          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình |                             |               | CN- Điện tử-Viễn thông 4-K55       | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 77  | 20115445 | Nguyễn Tuấn Anh  | 15.01.1994          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | x                           |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 1-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 78  | 20115463 | Nguyễn Đức Cảnh  | 10.12.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        |                             |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 1-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 79  | 20115772 | Tạ Quang Thanh   | 05.09.1993          | Vĩnh Phú          | Ông       | Khá        | x                           |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 1-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 80  | 20115827 | Nguy Minh Vương  | 18.12.1993          | Bắc Giang         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 1-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 81  | 20116134 | Bùi Trường Anh   | 20.02.1991          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình |                             |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 2-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 82  | 20115479 | Lê Đức Chung     | 20.11.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 2-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 83  | 20115506 | Đặng Quang Đạt   | 27.01.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 2-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 84  | 20115545 | Nguyễn Văn Hải   | 25.07.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình |                             |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 2-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 85  | 20115679 | Nguyễn Thị Ngọc  | 28.09.1993          | Thái Bình         | Bà        | Trung bình | x                           |               | CN KT Điện tử - Truyền thông 2-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)

| STT | SHSV     | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                              | Viện                      |
|-----|----------|--------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|----------------------------------|---------------------------|
| 86  | 20115706 | Nguyễn Minh Quân   | 09.08.1993          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Điện tử - Viễn thông 2-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 87  | 20136951 | Nguyễn Kim Tình    | 09.12.1989          | Hà Bắc            | Ông       | Khá        |                             |               | CN-Công nghệ KTĐT-TT 2(CH)-K56   | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 88  | 20136956 | Đặng Minh Vũ       | 15.02.1989          | Hà Nội            | Ông       | Khá        |                             |               | CN-Công nghệ KTĐT-TT 2(CH)-K56   | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 89  | 20125478 | Đỗ Thị Hương       | 02.02.1994          | Hà Tây            | Bà        | Khá        | x                           |               | CN-Điện tử TT 01 K57             | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 90  | 20125757 | Phan Trọng Tài     | 12.08.1994          | Hà Tĩnh           | Ông       | Trung bình |                             |               | CN-Điện tử TT 01 K57             | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 91  | 20146982 | Đỗ Ngọc Dũng       | 08.01.1991          | Thái Bình         | Ông       | Khá        |                             |               | CN-Điện tử TT 02 K57             | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 92  | 20146986 | Mạc Trung Hiếu     | 08.11.1992          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        |                             |               | CN-Điện tử TT 02 K57             | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 93  | 20125539 | Đặng Thị Hoài      | 15.07.1994          | Nghệ An           | Bà        | Khá        | x                           |               | CN-Điện tử TT 02 K57             | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 94  | 20081428 | Bạch Hưng Kiên     | 07.09.1990          | Hà Sơn Bình       | Ông       | Trung bình | x                           |               | Điện tử-Viễn thông 01 K54        | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 95  | 20112745 | Lã Thị Anh         | 05.08.1993          | Nam Định          | Bà        | Trung bình | x                           |               | Kế toán 1-K56                    | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 96  | 20114276 | Phạm Thị Là        | 14.12.1993          | Nam Định          | Bà        | Khá        |                             |               | Kế toán 1-K56                    | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 97  | 20114386 | Đinh Ngọc Tuấn     | 08.01.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | x                           |               | Kế toán 2-K56                    | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 98  | 20114162 | Ngô Thị Thương     | 27.03.1993          | Nam Định          | Bà        | Khá        | x                           |               | Kế toán 2-K56                    | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 99  | 20124475 | Vũ Thị Long        | 14.12.1994          | Nghệ An           | Bà        | Khá        | x                           |               | Kế toán K57                      | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 100 | 20124521 | Phạm Thị Quỳnh Như | 15.12.1994          | Vĩnh Phúc         | Bà        | Khá        | x                           |               | Kế toán K57                      | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 101 | 20124536 | Phó Đức Quang      | 06.02.1994          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | Kế toán K57                      | Viện Kinh tế & Quản lý    |
| 102 | 20106183 | Vũ Thị Thu Huyền   | 05.03.1991          | Hải Dương         | Bà        | Khá        | x                           |               | Kế toán-K55                      | Viện Kinh tế & Quản lý    |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)

| STT | SHSV     | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                     | Viện                   |
|-----|----------|----------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-------------------------|------------------------|
| 103 | 20104593 | Nguyễn Thị Nhung     | 09.09.1992          | Bắc Giang         | Bà        | Khá        | x                           |               | Kế toán-K55             | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 104 | 20124421 | Trần Văn Hợp         | 15.04.1994          | Thái Bình         | Ông       | Khá        |                             |               | Kinh tế CN K57          | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 105 | 20124477 | Trịnh Thị Hồng Duyên | 15.03.1994          | Hà Nam            | Bà        | Khá        | x                           |               | Kinh tế CN K57          | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 106 | 20124634 | Lê Văn Vĩnh          | 21.05.1994          | Hung Yên          | Ông       | Khá        | x                           |               | Kinh tế CN K57          | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 107 | 20093627 | Nguyễn Văn Thiện     | 27.07.1989          | Nghệ An           | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kinh tế công nghiệp-K54 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 108 | 20104700 | Nguyễn Thu Hiền      | 10.03.1992          | Hải Dương         | Bà        | Trung bình | x                           |               | Kinh tế công nghiệp-K55 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 109 | 20104548 | Trần Thị Hương       | 14.05.1992          | Thái Bình         | Bà        | Trung bình | x                           |               | Kinh tế công nghiệp-K55 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 110 | 20104782 | Lương Đức Tiến       | 08.06.1992          | Bắc Giang         | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kinh tế công nghiệp-K55 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 111 | 20114081 | Vũ Đức Hướng         | 29.01.1992          | Hà Nam Ninh       | Ông       | Khá        | x                           |               | Kinh tế công nghiệp-K56 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 112 | 20114343 | Lê Sơn Tùng          | 23.02.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | x                           |               | Kinh tế công nghiệp-K56 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 113 | 20096104 | Lê Thị Minh          | 23.06.1989          | Nghệ An           | Bà        | Trung bình | x                           |               | Quản trị kinh doanh K54 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 114 | 20093102 | Lê Thanh Tùng        | 03.11.1991          | Ucraina           | Ông       | Trung bình |                             | Thiếu 140     | Quản trị kinh doanh K54 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 115 | 20106153 | Phạm Phú An          | 20.11.1988          | Vĩnh Phú          | Ông       | Trung bình | x                           |               | Quản trị kinh doanh-K55 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 116 | 20106157 | Yên Thị Yến Anh      | 14.11.1991          | Thanh Hóa         | Bà        | Khá        | x                           |               | Quản trị kinh doanh-K55 | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 117 | 20124537 | Trần Văn Quang       | 22.09.1994          | Bắc Giang         | Ông       | Giỏi       |                             |               | Quản trị KD K57         | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 118 | 20124362 | Nguyễn Hoàng Dương   | 03.12.1994          | Quảng Ninh        | Ông       | Giỏi       | x                           |               | TC-Ngân hàng K57        | Viện Kinh tế & Quản lý |
| 119 | 20124522 | Đào Thị Thùy Ninh    | 16.06.1994          | Hà Nội            | Bà        | Khá        |                             |               | TC-Ngân hàng K57        | Viện Kinh tế & Quản lý |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                    | Viện                                  |
|-----|----------|--------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|------------------------|---------------------------------------|
| 120 | 20124625 | Hoàng Hải Vân      | 02.12.1994          | Hải Phòng         | Bà        | Giỏi       |                             |               | TC-Ngân hàng K57       | Viện Kinh tế & Quản lý                |
| 121 | 20109708 | Mai Quốc Đông      | 29.10.1992          | Hung Yên          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Hóa dầu-K55        | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 122 | 20109750 | Lê Thanh Hải       | 24.09.1992          | Hòa Bình          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Hóa dầu-K55        | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 123 | 20109722 | Bùi Văn Mạnh       | 06.06.1992          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN- Hóa dầu-K55        | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 124 | 20115880 | Trần Tuấn Anh      | 03.06.1993          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình |                             |               | CN KT Hóa học 1-K56    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 125 | 20116009 | Vũ Thị Tới         | 08.04.1993          | Hải Phòng         | Bà        | Trung bình |                             |               | CN KT Hóa học 1-K56    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 126 | 20116070 | Lê Huyền Trà My    | 28.11.1993          | Nghệ An           | Bà        | Trung bình |                             |               | CN KT Hóa học 2-K56    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 127 | 20115988 | Vũ Thị Nhung       | 15.04.1993          | Ninh Bình         | Bà        | Trung bình |                             |               | CN KT Hóa học 2-K56    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 128 | 20116004 | Nguyễn Văn Sơn     | 04.10.1993          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN KT Hóa học 2-K56    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 129 | 20116032 | Vương Thị Thúy     | 25.03.1993          | Hung Yên          | Bà        | Trung bình | x                           |               | CN KT Hóa học 2-K56    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 130 | 20126008 | Nguyễn Thị Diễm My | 18.09.1994          | Hải Hưng          | Bà        | Khá        |                             |               | CN-KT hóa học 2 K57    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 131 | 20126028 | Nguyễn Thị Phúc    | 01.11.1994          | Bắc Giang         | Bà        | Khá        | x                           |               | CN-KT hóa học 2 K57    | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 132 | 20103546 | Bạch Quỳnh Mai     | 03.11.1992          | Hà Bắc            | Bà        | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật hóa học 2-K55 | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 133 | 20123242 | Chu Thị Mỹ Linh    | 14.08.1994          | Bắc Giang         | Bà        | Khá        | x                           |               | KT môi trường K57      | Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường |
| 134 | 20105119 | Nguyễn Đỗ Thành    | 19.11.1992          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | TA.05 K55              | Viện Ngoại ngữ                        |
| 135 | 20105039 | Vũ Văn Hiến        | 14.11.1992          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | TA.06 K55              | Viện Ngoại ngữ                        |
| 136 | 20114450 | Phan Thị Cúc       | 31.05.1993          | Hung Yên          | Bà        | Trung bình |                             |               | TA7.02 K56             | Viện Ngoại ngữ                        |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
*( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)*

| STT | SHSV     | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                      | Viện                  |
|-----|----------|---------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|--------------------------|-----------------------|
| 137 | 20114453 | Bùi Yến Chi         | 29.01.1993          | Hà Nội            | Bà        | Trung bình | x                           |               | TA7.02 K56               | Viện Ngoại ngữ        |
| 138 | 20114558 | Vũ Văn Thành        | 11.05.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Trung bình | x                           |               | TA7.06 K56               | Viện Ngoại ngữ        |
| 139 | 20124795 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 05.08.1993          | Hà Nội            | Bà        | Khá        | x                           |               | IPE1 K57                 | Viện Ngoại ngữ        |
| 140 | 20113824 | Nguyễn Thị Như Thảo | 12.10.1993          | Hà Nam            | Bà        | Khá        | x                           |               | SPKT + KT điện tử TT-K56 | Viện Sư phạm Kỹ thuật |
| 141 | 20113658 | Phạm Ngọc Duy       | 14.08.1993          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | SPKT + Kỹ thuật điện-K56 | Viện Sư phạm Kỹ thuật |
|     |          |                     |                     |                   |           |            |                             |               |                          |                       |